

## VÀI NHẬN XÉT VỀ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG QUÂN SỰ Ở ĐÀ NẴNG TRONG CUỘC CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC NĂM 1858

SOME REMARKS ON THE EFFECTIVENESS OF THE MILITARY SYSTEM IN DANANG IN THE WAR AGAINST FRENCH COLONIAL INVASION IN 1858

*Luu Trang*

*Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Dưới thời Nguyễn, xuất phát từ vị trí là cửa ngõ mở ra thế giới bên ngoài của nước ta và là phen dậu bảo vệ kinh đô Huế, Đà Nẵng (ĐN) đã được triều Nguyễn tổ chức phòng thủ chặt chẽ và hùng hậu. Nhất là dưới thời các vua Thiệu Trị và Tự Đức hệ thống phòng thủ ĐN không ngừng được bổ sung, củng cố tăng cường và hoàn bị. Mục đích của các vua Nguyễn không chỉ biến ĐN thành thành trì bất khả xâm phạm để bảo vệ hải cảng trọng yếu, có vị trí như là vùng yết hầu kinh đô Huế, mà còn muốn đây là biểu tượng sức mạnh của vương triều Nguyễn với thế giới bên ngoài. Song sự thật về tính hiệu quả của hệ thống quân sự ở ĐN không như mong muốn của triều đình Huế. Ngay từ những loạt pháo tấn công đầu tiên từ các chiến thuyền của liên quân xâm lược Pháp – Tây Ban Nha vào những ngày đầu tháng 9 năm 1858, các căn cứ quân sự ở ĐN gần như bị tê liệt và nhanh chóng thất thủ. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu trước đây về việc bố trí, trang bị, cơ chế tổ chức và hoạt động của hệ thống quân sự ĐN<sup>1</sup>, tác giả xin làm sáng tỏ nguyên nhân dẫn đến sự kém hiệu quả trong chiến đấu của hệ thống quân sự này.

**Từ khóa:** hệ thống quân sự; hệ thống phòng thủ; Đà Nẵng; triều Nguyễn; thực dân Pháp.

### ABSTRACT

Under the Nguyen dynasty, derived from the position as the gateway to the world outside Vietnam and a Hue capital's security guard, Danang was defended tightly and powerfully. Especially, under the dynasty of the Kings Thieu Tri and Tu Duc, Danang defense system was constantly supplemented, strengthened and perfected. Nguyen Kings not only made Danang an impregnable fortress to protect the major port but also wanted to build this place to become a symbol of the power of the Kingship Nguyen. However, the truth of the effectiveness of Danang military system did not meet the expectation of Hue court. Right from a series of the first assault of firecrackers from the warships of France – Spain alliance of invasion from the first days of september 1858, the military bases in Danang were nearly paralysed and quickly fallen. On the basic of the former research results on the arrangement, preparation, the mechanism of the organization and operation of the military system in Danang, the author would like to clarify the cause leading to the ineffectiveness of this military system.

**Key words:** military system; defense system; Danang; the Nguyen dynasty; French colonial.

### 1. Các vua đầu triều Nguyễn đã củng cố, xây dựng ở Đà Nẵng một hệ thống quân sự rộng khắp, dày đặc, chặt chẽ, liên hoàn, qui mô và không ngừng được tăng cường bổ sung “hiện đại hoá”

Kế tục Gia Long và Minh Mạng, các vua Thiệu Trị - Tự Đức trong những năm cầm quyền của mình đã tăng cường củng cố, đầu tư và bố trí xây dựng mới hệ thống kiểm soát phòng thủ ở ĐN. Các cửa biển và ải Hải Vân được quan tâm trước tiên, bởi vị trí chiến lược của chúng.

- Cửa tấn ĐN, theo sách *Đại Nam nhất thống chí tỉnh Quảng Nam*: “Ở địa giới hai huyện Diên Phước và Hoà Vang, còn có tên nữa

là cửa Hàn, rộng 105 trượng, khi nước lên sâu 5 thước 5 tấc, nước ròng sâu 4 thước 5 tấc. Đầu niên hiệu Gia Long đặt thủ sở ở bờ phía hữu cửa biển. Năm Minh Mạng thứ 9 cấp ngựa trạm cho thủ sở; năm thứ 17 đặt vọng lâu ở chỗ tấn, cấp cho kính thiên lí để trông coi ngoài biển”[1, tr63]. Đến năm 1847, vua Thiệu Trị còn “đặt thêm chức Lãnh binh Thủy sư tỉnh Quảng Nam... vì việc ở cửa biển rất nhiều, nên đặt thêm một Lãnh binh Thủy sư”[2, t26-tr277-278]. Nhất là sau sự kiện hai tàu chiến bắn phá ĐN năm 1847 các vua Thiệu Trị - Tự Đức liên tục sai phái các quan lại cao cấp vào ĐN để kiểm tra đốc thúc phòng bị, trong đó rất quan tâm đến cửa tấn ĐN. Do đó, có

<sup>1</sup> Xem Luu Trang (2005), *Phố cảng Đà Nẵng (từ năm 1802 đến 1860)*, NXB Đà Nẵng.

thể nói cửa tấn ĐN tuy không phải là căn cứ quân sự lớn nhất, nhưng nó là trọng điểm đối đầu đầu tiên với các thế lực thực dân xâm nhập, góp phần đảm bảo an ninh cho hải cảng ĐN.

- Hai đài An Hải và Điện Hải (năm 1834 được đổi là thành) là cơ sở quân sự quan trọng nhất trong hệ thống phòng thủ ĐN, được vua Gia Long cho xây dựng đầu tiên vào năm 1813, theo thiết kế Vauban của kĩ sư người Pháp Olivier Puymanel (người từng cộng tác với Bá Đa Lộc giúp Gia Long trước đây).

Đài An Hải nằm ở hữu ngạn sông Hàn, cùng bên và cách tấn ĐN về phía Nam khoảng 2 km, nằm ở làng An Hải, ban đầu đắp bằng đất, đến năm 1830 vua Minh Mạng cho xây lại bằng gạch. Đài có “chu vi 41 trượng 2 thước, cao 1 trượng 2 thước, xung quanh có hào sâu 1 trượng bao bọc, bên trong có một kì đài và 22 ụ súng đại bác với khẩu kích lớn” [1, tr60].

Đài Điện Hải nằm ở tả ngạn sông Hàn, được xây dựng cùng năm với thành An Hải. Năm 1823 do “công việc buổi đầu người trông coi lại không được giỏi, cho nên không được kiên cố, lại thêm gần sát bờ biển, nước biển xói mòn, ngày càng sạt lở... nên dời về phía Nam hơn 50 trượng là chỗ đất cao và rộng để xây” [2, t16-tr150]. Đài Điện Hải có “chu vi 139 trượng, cao 1 trượng 2 thước, hào sâu 7 thước, có 2 cửa, 1 kì đài, 30 ụ đặt súng lớn” [1, tr60].

Năm 1830, sau khi xây xong hai đài An Hải và Điện Hải, vua Minh Mạng “đặt Thành thủ úy ở hai đài Điện Hải và An Hải. Đổi bổ hiệu úy Cẩm y là Nguyễn Văn Lượng làm Thành úy đài Điện Hải... Tổng Văn Nghĩa làm Thành úy đài An Hải. Rồi trích lấy một vệ lính quê ở Quảng Nam trong năm hệ trực ban quân thân sách sung làm lính thủ hộ ở hai đài... lại trích hai thuyền Ô và hai thuyền Sam bản ở kinh cho làm thuyền định ngạch của đài Điện Hải”. Đến năm 1836, vua Minh Mạng lại cho tăng cường thêm lực lượng để phòng giữ hai đài. Đài Điện Hải quan trọng hơn nên đặt thêm một quân vệ 300 biên binh, 200 biên binh ở đài An Hải và một Lãnh binh kiêm coi cả hai đài.

Sau năm 1840, do tình hình “chiến tranh thuốc phiện” (Anh-Trung), triều Nguyễn đã điều động các tàu lớn Thụy Long, Phấn Bằng, Thanh Loan mỗi chiếc phải có đủ 100 thủy binh trang bị 100 súng điều thương, 10 đại bác và 15 ngọn giáo cho các thành Điện Hải và An Hải. Lập thêm pháo đài phòng ngự ở Mỏ Điều, được gọi là “Phòng Hải pháo đài”, nằm ở phía Tây chân núi Sơn Trà là nơi bốn bề rộng rãi trông được ra biển. Cấp thêm 10 chiếc thuyền bọc đồng, 5 chiếc hạng lớn và 5 chiếc hạng vừa cho Lãnh binh Lương Văn Liễu chuyên quản hai thành Điện Hải và An Hải nhận giữ phòng khi sai phái. Tuần vũ Quảng Nam cũng được lệnh tăng cường cho hai thành này từ 500 - 600 quân. Để an tâm về vùng yết hầu kinh đô, triều Nguyễn cử Tả tham tri Bộ Lễ gia hàm Tham tri sung biện việc Nội các là Nguyễn Tri Phương vào làm quyền Thự tuần phủ Nam - Ngãi, trực tiếp chỉ huy ở ĐN.

- Trong hệ thống phòng thủ được xây dựng sớm và quan trọng ở ĐN cần phải nói đến là ải Hải Vân hay còn gọi là Hải Vân quan, nằm ở đỉnh đèo Hải Vân, nơi tiếp giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế với thành phố ĐN ngày nay. Hải Vân quan án ngữ vị trí trọng yếu độc đạo trên bộ của ĐN và kinh đô Huế, là pháo đài và đài quan sát tự nhiên để canh giữ bao quát toàn bộ cửa biển ĐN. Cửa trước ải cao và bề dài là 15 thước, bề ngang 17 thước 1 tấc ; cửa sau bề cao là 15 thước, bề dài 1 thước, bề ngang 18 thước 1 tấc ; cửa tò vò đều cao 10 thước 8 tấc, bề ngang 8 thước 1 tấc, hai bên tả hữu cửa quan xếp đá làm tường, trước sau liền nhau. Ban đầu trang bị 5 cỗ súng lớn bằng đồng, 200 ống phun lửa, 100 pháo thăng thiên, 1 kính thiên lí và do một viên tấn thủ đóng giữ [2, t22-tr188]. Đến tháng 5 năm 1830 đặt thêm chức Hiệp thủ Hải Vân quan. Kế tiếp, năm 1836 “đặt thêm một phòng thủ úy (trước đặt 1 viên). Lê trước, biên binh trú phòng mỗi tháng một lần thay phiên, còn phòng thủ úy đóng giữ mãi. Vua cho rằng nơi ấy lam chướng hơi nặng, đổi lại, biên binh 15 ngày thay phiên, phòng thủ úy một tháng một lần thay phiên” [2, t8-tr22]. Đến thời Thiệu Trị sau sự kiện tàu Pháp gây hấn ở cửa biển ĐN, năm 1849 cho đặt

thêm 7 cỗ súng, trong đó có 1 cỗ súng lớn bằng đồng có tên Thảo Nghịch Tướng quân. Hải Vân quan liên tục được củng cố tăng cường sức mạnh, chứng tỏ các vua nhà Nguyễn rất lo lắng cho cửa ải quan yếu này.

- Đồn Chân Sảng và pháo đài Định Hải cũng là hai căn cứ quân sự quan trọng. Chúng có nhiệm vụ hỗ trợ cho tấn ĐN, thành An Hải, tấn Cu Đê và Hải Vân quan trong truyền tin và hợp tác chiến đấu trên bộ dưới biển. Đồn Chân Sảng nằm ở gần chân Nam đèo Hải Vân, nhô về phía Đông lấn ra biển thuộc núi Chân Sảng, còn gọi là núi Nam Chân, là cửa ngõ xâm nhập Hải Vân quan, tạo thành vòng cung ôm tấn Cu Đê. Đồn Chân Sảng rất thuận lợi cho tàu bè neo đậu, vì thế Đô đốc Page đã cho tàu lớn áp sát để đánh đồn Chân Sảng tiến lên Hải Vân quan mở đường ra Huế nhưng không thành. Từ Chân Sảng về phía Đông nam không xa là núi Thông Sơn, còn gọi là Hòn Hành, năm 1823 đổi thành núi Định Hải và pháo đài được dựng ở đây gọi là pháo đài Định Hải. “Pháo đài Định Hải nằm ở phía tả tấn Đà Nẵng, chu vi 25 trượng 3 thước, cao 5 thước 8 tấc, có một cửa, một kì đài và 7 sở pháo đài”.

- Tấn Cu Đê, nằm ở phía Bắc huyện Hoà Vang, gần chân núi Nam Hải Vân, rộng chừng 25 trượng, khi nước lên sâu 5 thước 5 tấc, nước ròng còn 3 thước. Từ sớm, tấn Cu Đê đã là cửa ải quan trọng dinh Quảng Nam, nơi từng giao tranh của vua Lê Thánh Tông với quân Chăm-pa, của các thế lực phong kiến Nguyễn, Tây Sơn... Do đó, ngay năm đầu lên ngôi Gia Long đã đặt thủ sở, cai quản bởi viên Thủ ngự và Thủ dân để tuần phòng ngoài biển, xét hỏi những tàu thuyền và người đi lại.

Dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức, nhất là sau các sự kiện gây hấn năm 1847 và 1856, ĐN lại được tăng cường phòng thủ. Cùng với việc bổ sung quân, những vũ khí thiết bị mới, hiện đại được tăng cường cho các thành, đài, tấn, bảo ở ĐN. *Châu bản triều Nguyễn và Đại Nam thực lục* cho chúng ta thấy rất nhiều thông tin về vấn đề này. Ví dụ, vào tháng 7 năm 1844 Đào Trí Phú từ phương Tây về có mua 1 chiếc thuyền máy đốt lửa (máy hơi nước), vua Thiệu Trị giao cho thủy

quân ĐN sử dụng để làm cho việc võ bị được nghiêm [2, t18-tr252]. Hay các thuyền lớn như Phấn Bằng, Thụy Long, Thanh Loan... chuyên đi buôn bán ở các nước phương Tây cũng được trang bị cho phòng thủ Đà Nẵng. Hoặc năm 1847 vua Thiệu Trị giục đốc công vũ khí nhanh chóng đúc 150 quả “chấn địa lôi” để trang bị cho ĐN. Đà Nẵng còn được trang bị các loại súng đạn mới nhất. Tháng 12 năm 1851, “nhân việc đem 2 cỗ súng mới mua ra trường bắn để tập bắn, Tổng đốc Quảng Nam Tôn Thất Bật do không biết sử dụng bắn thử bị trọng thương” [3, t40-tr126]. Đó là chưa kể ĐN còn có một đội Tượng binh lớn thứ tư trong cả nước, gồm 35 thớt. Quan trọng hơn, vua Thiệu Trị còn đổi chức Tuần vũ thành Tổng đốc Quảng Nam (quan chế nhà Nguyễn những tỉnh lớn có nhiều việc quan trọng mới đặt Tổng đốc), nhằm tăng cường quyền lực cho quan đầu của một tỉnh có vai trò nhiệm vụ quan trọng như là Quảng Nam.

- Chiến tranh đến gần, các vua Thiệu Trị - Tự Đức khẩn trương cho đặt thêm nhiều cơ sở phòng thủ khác ở ĐN. Ở bên hữu ngạn sông Hàn, trên đỉnh Sơn Trà có đồn Trấn Dương (1856); phía Tây núi Sơn Trà ven biển từ Sơn Trà ngược lên sông Hàn nhằm hỗ trợ cho các thành đồn ven bờ hữu sông Hàn, được đặt thêm 7 pháo đài, gọi là Trấn Dương Thất Bảo. Ngoài ra còn lập các đồn ở các làng An hải, Mỹ Khê, Mân Quang, Hoá Khuê... Phía tả ngạn sông Hàn, sâu vào đất liền đồn ở các làng xã không ngừng được tăng cường phòng vệ.

Tóm lại, đến trước cuộc tấn công xâm lược của liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ ra, hệ thống phòng thủ ĐN đã được nhà Nguyễn bố trí như sau:

1. Bên hữu ngạn sông Hàn, về tận phía Bắc bán đảo Tiên Sa, trên đỉnh núi Sơn Trà có đồn Trấn dương, dưới chân núi về phía Tây dài đất núi khá bằng phẳng nhô ra vùng vịnh ở mũi Mỏ Điều có pháo đài Phòng Hải, hơi chéch về phía Bắc ở đây còn có Bảo thứ nhất, kế tiếp về phía Nam có Bảo thứ hai, thứ ba, thứ tư, (các bảo thứ năm, sáu và bảy năm 1850 bị triệt bỏ). Và phía Nam là thành An Hải, kế cận thành còn

hệ thống đồn của các làng xã An Hải, Mỹ Thị, Hoá Khê, Phước Trường...

2. Bên tả ngạn sông Hàn, từ đỉnh Hải Vân có Hải Vân quan, tiến về phía Đông nam gần chân đèo có đồn Chân Sáng, pháo đài Định Hải; xuống dưới chân đèo có tấn Câu Đê và dọc đường thiên lí có Thất trạm. Trung tâm Đà Nẵng có thành Điện Hải đối diện thành An Hải, sau lưng thành Điện Hải là các đồn Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Gián, Nại Hiên, Cẩm Lệ... như là hệ thống các vệ tinh của thành Điện Hải.

3. Giữa hai bờ tả hữu là lòng sông Hàn, một hệ thống tàu thuyền lớn nhỏ được trang bị đầy đủ trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, neo đậu theo từng điểm từ cửa tấn ĐN đến hệ thống các đài đồn dọc theo hai bên bờ tả hữu sông Hàn.

## 2. Cơ chế vận hành của hệ thống quân sự Đà Nẵng

Với một hệ thống quân sự chằng chịt từ ngoài biển vào đất liền, từ núi cao đến đồng bằng ven biển đã được thiết lập ở ĐN như trên, hẳn nhiên các nhà quân sự triều Nguyễn đã tính đến việc vận hành của nó nhằm đạt hiệu quả trong chiến đấu. Thông tin liên lạc phối hợp với việc tổ chức hoạt động của các thành, đài, tấn, đồn ở ĐN là quan trọng nhất được triều Nguyễn quan tâm, và nhiều chỉ dụ đã được ban bố để thực hiện công tác này:

- Về treo cờ hiệu: “Khi có tàu thuyền đến cửa Đà Nẵng, binh sĩ quan sát kính thiên lí thấy tàu có nhiều dây (tàu lớn) nhưng chưa phân biệt là thuyền công trong nước hay thuyền của nước ngoài và số lượng là 1 hay 2 chiếc thì treo cờ đỏ, nếu 3, 4 chiếc trở lên thì treo cờ gấm đỏ trắng. Đến khi nhận rõ, nếu là thuyền công thì hạ cờ trước xuống, treo cờ vàng lên; còn nếu là thuyền ngoại quốc thì thượng cờ gấm lam trắng”. Giữa “thành An Hải và pháo đài Phòng Hải, hễ bên nào phát hiện tàu thuyền trước thì kéo cờ trước và bên kia nhìn đó mà treo cờ lên. Còn Hải Vân quan hễ thấy thành An Hải và pháo đài Phòng Hải kéo cờ gấm đỏ trắng hay gấm lam trắng thì khẩn cấp làm số tàu lên hỏa tốc về kinh thông báo. Thành Điện Hải thì có nhiệm vụ báo

về dinh tuần vũ Quảng Nam”. Tất cả các loại cờ này đều may chung một qui cách: dài 6 thước 3 tấc, rộng 5 thước 6 tấc.

- Huấn luyện và diễn tập chiến đấu tại các căn cứ quân sự ĐN được thực hiện theo định kỳ và theo những nội dung chương trình được qui định cụ thể: “Phàm biên binh các thành, đài đóng giữ ở cửa biển ấy (ĐN), theo kì diễn tập các phép đi đứng, đánh, đâm, và công việc khi chéo chờ, khi phóng nhanh, để cho đều quen thạo” [3, t10-tr115]. Luyện tập bắn súng cho thủy quân được tổ chức công phu, với qui định như sau: “Thủy sư diễn tập bắn súng điều sang và súng lớn. Nên kết thành một cái bè nổi ở ngoài biển làm ra hình dáng như cái thuyền,... ra lệnh cho thuyền binh nhân gió qua lại, cho đứng theo mức ngắm vừa chờ đi vừa bắn. Bắn trúng được làm ưu, bắn không trúng là liệt. Chia định thưởng phạt, diễn tập như thế là thực dụng”. Tập luyện bắn súng đại bác cũng theo qui cách tương tự: “Chiều theo cách thức, kết một cái bè nổi ở ngoài biển, cách bờ hơi xa. Bốn bên đều bỏ neo, xích, để gió thổi làm trôi đi. Rồi lấy thuyền lớn Thanh loan và các loại thuyền bọc đồng ở ngoài bể cách bè ước 50 trượng... khi có lệnh tức đem súng đại bác áo đỏ nhằm vào bè nổi bắn liền 3 phút. Thuyền chờ nổi sau lần lượt bắn ra” [4, t5-tr385].

- Nhiệm vụ hàng ngày của các tấn thành bảo vệ cửa biển ĐN được khái quát qua lời tâu của Bộ Binh lên vua sau đây: “Hàng ngày (biên binh các thành, đài đóng giữ ở cửa biển ĐN) đem kính thiên lí lên cao, trông ra xa, nếu có thuyền ngoại quốc đến, hễ thấy 1, 2 chiếc thì treo cờ trắng có sắc đỏ để làm hiệu, thấy 3, 4 chiếc thì treo cờ trắng có sắc xanh lam để làm hiệu. Thuyền ngoại quốc đến cửa biển, thì không cứ họ bắn súng to mấy phát, ở trên thành chỉ đáp lại 3 phát mà thôi. Rồi chọn lấy điều gián yếu trong các điều khoản đã nghiêm cấm khi thuyền đỗ và lúc thuyền đi, làm thành văn bản của tỉnh, sai thông ngôn dịch ra tiếng ngoại quốc để cho họ biết” [2, t23-tr390-391]. Tuần tiễu cửa biển ĐN cũng là hoạt động quan trọng hàng ngày được qui định cụ thể về: thời gian tuần tiễu,

phạm vi tuân thủ, tình huống thuyền giặc xâm nhập và chế độ thưởng phạt đối với các quan binh làm nhiệm vụ này.

Nói chung, hệ thống vận hành của các thành, tấn, sở, đồn... ở ĐN được qui định khá cụ thể, mang tính liên hoàn, có tác dụng tương hỗ cho nhau, lại vừa kiểm soát lẫn nhau từ dưới biển lên trên núi, góp phần tăng thêm uy lực cho hệ thống phòng thủ ĐN.

### 3. Vài nhận xét

Qua tìm hiểu, nghiên cứu việc bố trí xây dựng, trang bị và tổ chức vận hành của hệ thống quân sự ĐN dưới triều Nguyễn, chúng tôi xin có một vài nhận xét về tính hiệu quả của hệ thống quân sự này trong cuộc chiến chống quân xâm lược Pháp – Tây Ban Nha vào tháng 9 năm 1858 như sau:

- *Một là*, hệ thống các căn cứ quân sự ở ĐN tuy được triều Nguyễn đầu tư xây dựng, bố trí dày đặc và hùng hậu, nhưng thực tế cho thấy hệ thống quân sự này bộc lộ nhiều hạn chế. Đó là việc thiếu phân định rạch ròi chức năng nhiệm vụ cho từng căn cứ, nên khi có chiến sự xảy ra các căn cứ này hoặc là chông chéo đâm đạp lên nhau đối phó, hoặc là tránh né trông chờ nhau, dẫn đến việc phối hợp chiến đấu giữa các căn cứ này hạn chế, kém hiệu quả. Thực chất hệ thống các căn cứ quân sự ĐN mang tính phô trương hơn là hiệu quả tác chiến. Các vua nhà Nguyễn trong chừng mực nhất định có nhận thấy hạn chế đó, biểu hiện qua việc luôn luôn điều chỉnh thay đổi bố trí, tăng cường trang bị cho các đồn đài tấn sở. Song do năng lực, tầm nhìn hạn hẹp và tri thức quân sự kiểu phong kiến, những điều chỉnh đó không có mấy tác dụng, thậm chí còn thể hiện sự bị động lúng túng của vua quan nhà Nguyễn, nhất là dưới thời Thiệu Trị - Tự Đức.

*Hai là*, cấu trúc, phương tiện chiến đấu, kỹ thuật quân sự và vũ khí của các căn cứ quân sự ở ĐN mang tính phòng thủ bị động, lạc hậu, kém chính xác, mức độ công phá thấp. Kiến trúc chính của các căn cứ quân sự ở ĐN là thành và pháo đài theo kiểu Vauban. Đây là kiểu kiến trúc phức hợp các công trình liên quan chặt chẽ với

nhau, chủ yếu để phòng ngự, bao gồm các bộ phận bảo vệ và đề kháng như lũy, pháo đài, đài quan sát, tường bắn, ụ súng, hào, hộ thành. Phương tiện và vũ khí chiến đấu được triều đình quan tâm cả về đầu tư xây dựng xưởng đóng tàu, chế tạo vũ khí, lẫn mua tàu thuyền, vũ khí và các trang thiết bị hiện đại của phương Tây. Các vua Nguyễn, nhất là vua Gia Long và Minh Mạng đã từng mua tàu chiến của phương Tây để tháo rời ra từng bộ phận, kể cả máy hơi nước để nghiên cứu chế tạo từng bộ phận ấy rồi lắp ráp tạo thành chiến thuyền mới. Tuy nhiên, do không hiểu được nguyên lý, kỹ thuật vận hành và chế tạo động cơ, chỉ bắt chước một cách máy móc nên tàu thuyền và vũ khí được chế tạo ra không sử dụng được, hoặc hiệu quả sử dụng kém.

*Ba là*, cơ chế vận hành các căn cứ quân sự ở ĐN mới chỉ chú ý việc phát hiện, đón tiếp các tàu thuyền vào ĐN chứ chưa chú trọng việc tổ chức chiến đấu, không trong tư thế sẵn sàng và chủ động chiến đấu. Bởi các lực lượng quân thủ các căn cứ quân sự ở đây không được quyền chủ động ngăn cản, xua đuổi hoặc chống trả các thế lực có ý đồ xấu kéo đến đe dọa, uy hiếp, hay tấn công xâm lược, mà phải chờ lệnh vua. Chính vì qui định này mà năm 1847, khi chỉ có 2 chiến thuyền Pháp do Lapierre chỉ huy vào cảng ĐN ngang nhiên cho thủy thủ lên 5 chiếc thuyền lớn có trang bị vũ khí của triều đình để tước đoạt buồm, chèo, các vật dụng và vũ khí, nhưng các tàu thuyền ấy và các căn cứ quân sự trên bờ không có phản ứng kháng cự nào, vì chưa có lệnh vua! Hay sáng ngày 1/9/1858, trước khi nổ súng tấn công ĐN Trung tướng Rigault de Genouilly chỉ huy đoàn chiến thuyền liên quân Pháp – Tây Ban Nha gửi tới hậu thư cho quan trấn thủ ĐN hẹn trong vòng 2 giờ phải giao nộp các thành, đồn cho y nếu không sẽ nổ súng tấn công. Nhưng đến khi thành An Hải bị triệt hạ lãnh binh ở ĐN vẫn chưa nhận được lệnh vua!

*Bốn là*, thời Gia Long - Minh Mạng nhờ nhận thức được vị trí trọng yếu của ĐN và tầm quan trọng của vũ khí và các phương tiện phòng thủ đất nước, các vua đã không ngừng tăng cường

bổ sung những trang bị, vũ khí mới hiện đại cho hệ thống phòng thủ ĐN như đại bác, súng trường, kính thiên lí, thuyền máy, thuốc nổ...; sẵn sàng “chế thêm một chiếc thuyền máy lớn, phí tổn hơn 11.000 quan tiền” để “cho công tượng nước ta biết tập nghề máy móc” [5, tr300, 304]. Nhưng đến thời vua Thiệu Trị thì xu hướng này ngày càng giảm và bị coi thường, nhất là Tự Đức muốn phục hồi binh pháp cổ truyền, coi thường và không tiếp tục học hỏi kĩ thuật mới phương Tây, đã làm cho hệ thống phòng thủ ĐN ngày càng tụt hậu so với sự phát triển nhanh chóng của kĩ thuật quân sự phương Tây.

Tóm lại, tất cả những nhân tố trên đã làm cho khả năng phòng thủ ĐN nói riêng, nước ta nói chung không những là không mạnh mà còn rất yếu kém so với thế giới phát triển phương Tây đương thời. Đó chính là nguyên nhân trực tiếp để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX. Rất đáng tiếc những tiền đề ban đầu cho “binh cường” và mong muốn “cho công tượng nước ta biết tập nghề máy móc” của các vua Gia Long – Minh Mạng đã không được các vua Thiệu Trị - Tự Đức kế thừa, phát huy.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Quảng Nam*, NXB Văn hoá Tùng thư, SG, tr 63; tr 60; tr 60.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (1964 - 1972), *Đại Nam thực lục*, NXB KHXH, HN, tập 18, tr 195; tập 16, tr 150; t22 tr 188; t8 tr 22; t18 tr 252; t23 tr390-391.
- [3] *Mục lục châu bản triều Nguyễn, bản chép tay*, Thư viện Đại học Khoa học Huế, tập 40 tr 126; t10 tr115.
- [4] Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, NXB Thuận Hóa – Huế, tập 5, tr 385.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, NXB Thuận Hóa – Huế, tr 300, 304.